TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, TP HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 8 - 2018
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đỗ Thị Minh Loan.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Hữu Tình
  Bà Kiều Thị Ninh

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Mơ - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tham gia phiên toà**: Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên**.**

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2018/TLST - HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2018 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1991 (Có mặt)
Địa chỉ: Cụm 4, xã V.X, huyện P, Thành phố Hà Nội
- *Bị đơn*: Anh **Bùi Văn H 1**, sinh năm 1990. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Cụm 4, xã V.X, huyện P, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của các bên thì vụ án có nội dung như sau: Chị Lê Thị H và anh Bùi Văn H 1 kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V.X, huyện P, TP Hà Nội vào ngày 12/7/2012.

Sau khi cưới, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc bình thường cho đến khoảng tháng 01/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị phát hiện anh H 1 ngoại tình và anh H 1 có thừa nhận với chị về việc này. Chị và anh H 1 không còn tình cảm, hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Bố mẹ hai bên có biết việc vợ chồng chị mâu thuẫn và có lời khuyên giải nhưng vẫn không thay đổi được tình hình. Cách đây khoảng hai năm, anh H 1 đi làm và thuê nhà tại Cụm 11, xã V.X sống cùng bạn bè, không còn quan tâm đến vợ con, chỉ thỉnh thoảng gọi điện hỏi thăm con. Chị H đã xin phép bố mẹ chồng đưa con về sống cùng bố mẹ đẻ tại Cụm 3, xã V.X. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh H 1.

Theo anh Bùi Văn H 1, sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống hạnh phúc bình thường không có mâu thuẫn gì. Nhưng từ khoảng 05 năm nay, thời gian vợ chồng anh sống với nhau không nhiều vì anh không thường xuyên sống ở nhà mà sống nay đây mai đó, tình cảm vợ chồng không có nhiều. Anh cũng không biết việc chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ thời gian nào do anh không ở nhà. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Gia H2, sinh ngày 07/10/2012. Khi ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H 1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H 1 đồng ý để chị H tiếp tục nuôi cháu H2 khi vợ chồng chị ly hôn.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Chị H và anh H 1 đều xác định không có.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh H 1 và xin được tiếp tục nuôi cháu H2 khi vợ chồng ly hôn, chị không yêu cầu anh H 1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, công sức và nợ: Chị H xác định không có.

Anh H 1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, thẩm quyền. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H 1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị H, cho chị H được ly hôn anh Bùi Văn H 1.

Về con chung: Giao cháu Bùi Gia H2, sinh ngày 07/10/2012 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H 1.

Về tài sản chung, công sức và nợ: Các đương sự xác định không có nên không phải xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Bùi Văn H 1 có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã V.X, huyện P, Thành phố Hà Nội. Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của chị H xin ly hôn với anh H 1 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tố tụng theo đúng trình tự quy định của pháp luật nhưng anh H 1 không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa ngày 03/8/2018, anh H 1 vắng mặt, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử. Tòa án đã giao Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa cho anh H 1. Tại phiên tòa hôm nay, anh H 1 vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H 1 là đúng trình tự theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Chị Lê Thị H và anh Bùi Văn H 1 kết hôn hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V.X, huyện P, Thành phố Hà Nội ngày 12/07/2012.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị H cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn do chị phát hiện anh H 1 có quan hệ ngoại tình, anh H 1 cũng thừa nhận với chị về việc này, vợ chồng sống với nhau không có tiếng nói chung. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đã đưa con về sống tại nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Anh H 1 cho rằng vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, thời gian vợ chồng sống với nhau không nhiều do anh không ở nhà mà sống lung tung nay đây mai đó. Anh cũng không biết việc chị H đưa con về sống tại nhà bố mẹ đẻ vì anh không ở nhà. Chị H xin ly hôn, anh H 1 đồng ý.

Xét thấy vợ chồng chị H và anh H 1 có mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị H.

[3]. Về con chung: Hiện nay, cháu Bùi Gia H2 đang ở với chị H. Nguyện vọng của chị H là được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H 1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H 1 cũng đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con khi vợ chồng ly hôn.

Qua lời khai của chị H và các tài liệu chị H cung cấp thì chị hiện đang làm việc tại Công ty TNHH L.C. Thu nhập trung bình mỗi tháng của chị là 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*). Xét cháu H2 còn nhỏ cần được sự quan tâm chăm sóc của mẹ, hiện tại cháu vẫn đang ở với mẹ ổn định, chị H có đủ điều kiện để nuôi và chăm sóc con nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H 1 cho đến khi chị H có yêu cầu. Anh H 1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Chị H và anh H 1 đều thừa nhận không có nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí, Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: + Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H. Chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H 1.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Bùi Văn H 1 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

+ Về con chung: Giao cháu Bùi Gia H2, sinh ngày 07/10/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H 1 cho đến khi chị H có

yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh H 1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản; công sức; về nợ: Các đương sự xác định không có nên HĐXX không đề cập xem xét.

+ Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005258 ngày 01/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Bùi Văn H 1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã V.X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Loan